

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: **02 /2017/HNGĐ-PT**

Ngày: 27-11-2017

V/v: Tranh chấp ly hôn, chia

Tài sản chung và nghĩa vụ trả
nợ chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Hoa**

Các Thẩm phán: 1. Ông **Nguyễn Công Thái**

2. Ông **Hà Quang Huy**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lục Thị Ánh Nguyệt** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:
Ông **Nông Văn Đỗi** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2017, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2017/TLPT- HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2017, về Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ chung

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 04/2017/HNGĐ - ST ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2017/QĐ-PT, ngày 07 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà **Trần Thị L**; sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Chị **Lý Hồng L1**; trú tại: thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Hà Văn T** - Trợ giúp viên pháp lý- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

- **Bị đơn:** Ông Lý Văn T; sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng C Việt Nam.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lương Thị Kim D – Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Theo Giấy uỷ quyền số 155/UQ-NHC ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Giám đốc Phòng giao dịch ngân hàng C huyện C). Có mặt

- **Người kháng cáo:** Bà Trần Thị L

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L và ông Lý Văn T có quan hệ hôn nhân thực tế từ năm 1994, có tổ chức cưới theo phong tục địa phương, đến ngày 24/9/2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại xã Y, huyện C đến nay, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc cho đến bốn năm trở lại đây thì xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau. Nguyên nhân là do bà L sức khỏe yếu không lao động được, không tự lo sinh hoạt của bản thân được mà cần phải có người giúp đỡ. Nay bà L xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, bà không còn tình cảm với chồng nên đề nghị được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung là Lý Hồng N, sinh năm 1996 và Lý Hồng L1, sinh năm 1998. Cả hai con đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Vợ chồng đã tự thoả thuận giải quyết bằng văn bản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Đối với Sổ vay nợ tại Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện C, tỉnh Bắc Kạn hiện nay còn dư nợ 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), vay từ năm 2015, thời hạn vay 60 tháng, do ông Lý Văn T vay, bà không biết nên không chấp nhận là nợ chung của vợ chồng, không nhất trí trả nợ.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm ông Lý Văn T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T thống nhất với lời trình bày của bà L về quá trình kết hôn và chung sống, về mâu thuẫn vợ chồng. Ông cho rằng cuộc sống vợ chồng mặc dù có nhiều khó khăn, vợ ốm đau nhưng bản thân vẫn còn yêu thương vợ. Tuy nhiên, bà L nhất quyết yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông T thống nhất với lời trình bày của bà L, các con đã lớn, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng đã tự thoả thuận bằng văn bản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hiện nay vợ chồng còn nợ tại Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện C, tỉnh Bắc Kạn 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), thời điểm vay năm

2015, thời hạn vay 60 tháng và nợ em cô Lý Thị T số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

Đối với khoản vay 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) của em cô khi vay không có hợp đồng, hiện nay Lý Thị T đang đi lao động xuất khẩu tại nước ngoài nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với khoản nợ ngân hàng 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), đề nghị bà Trần Thị L liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ và khoản lãi phát sinh.

*** Tại Văn bản số 132/CV-NHCS ngày 23/5/2017 của Ngân hàng C Việt Nam – Phòng giao dịch huyện C, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C trình bày:** Căn cứ vào hồ sơ vay vốn ông Lý Văn T đứng tên trên sổ vay vốn và bà Trần Thị L là người thừa kế, hiện nay đang còn dư nợ vay Chương trình cho vay hộ nghèo, số tiền vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), thời hạn xin vay 60 tháng, lãi suất 0,55%/tháng, ngày vay 12/8/2015, hạn trả cuối cùng 12/8/2020. Đã trả nợ số tiền gốc 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Đến ngày 23/5/2017 còn dư nợ tại Ngân hàng số tiền gốc 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và lãi phát sinh. Ngân hàng đề nghị Toà án giải quyết phân chia tài sản, trách nhiệm, quyền lợi giữa các bên liên quan đảm bảo thu hồi đủ nợ gốc và lãi phát sinh.

Bản án số 04/2017/HNGĐ-ST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn áp dụng các điều 55, 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Quyết định: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Trần Thị L

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị L và ông Lý Văn T

2. Về con chung: Các con chung của bà L, ông T đã trưởng thành không đặt ra giải quyết

3. Về tài sản chung: Ông Lý Văn T và bà Trần Thị L đã tự thoả thuận bằng văn bản (Biên bản thoả thuận chia tài sản ngày 20/6/2017). Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo yêu cầu của các đương sự Toà án ghi nhận sự tự thoả thuận phân chia tài sản chung giữa ông Lý Văn T và bà Trần Thị L có nội dung như sau:

*** Đối với đất ở:**

- Thửa đất số 80, tờ bản đồ số 22, diện tích 878,1m² ông Lý Văn T nhận 122m² tiếp giáp phía bên nhà hộ ông Hoàng T1; phần diện tích còn lại 756,1m² bà Trần Thị L được quyền quản lý, sử dụng.

- Thửa đất số 176, tờ bản đồ số 22 theo Bản đồ địa chính năm 2012, diện tích 180m² (Nhận chuyển nhượng của hộ ông Hoàng Đức V; trú tại: thôn B1, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn chưa thực hiện thủ tục chuyển nhượng theo quy định) hai bên chia đôi $\frac{1}{2}$ diện tích, mỗi bên 90m². Ông Lý Văn T quản lý, sử dụng

phần diện tích 90m² bên tiếp giáp với nhà ông Hoàng T1. Phần còn lại diện tích 90m² thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Trần Thị L.

*** Đối với đất ruộng:**

Bà Trần Thị L và ông Lý Văn T thỏa thuận, thống nhất chia $\frac{1}{2}$ diện tích đối với từng thửa. Cụ thể:

1. Thửa số 46, diện tích 390,6m², tờ bản đồ số 12. Ông T trực tiếp quản lý, sử dụng phần diện tích 195,3m² tiếp giáp bên suối;

Phần diện tích còn lại do bà Trần Thị L trực tiếp quản lý, sử dụng tiếp giáp với ruộng của hộ ông Trần Văn T2; trú tại: Thôn B1, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

2. Thửa số 13, diện tích 563,9m², tờ bản đồ số 21. Ông T trực tiếp quản lý, sử dụng phần diện tích là 281,95m² tiếp giáp ruộng hộ ông Nguyễn Văn S; trú tại: thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn;

Phần diện tích còn lại do bà Trần Thị L trực tiếp quản lý, sử dụng tiếp giáp với ruộng của hộ ông Lý Văn H; trú tại: thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

3. Thửa số 19, diện tích 61,6m², tờ bản đồ số 20. Ông T và bà L thống nhất cho bà L trực tiếp quản lý và sử dụng.

4. Thửa số 15, diện tích 285,9m², tờ bản đồ số 20. Ông T trực tiếp quản lý, sử dụng phần diện tích 142,95m² tiếp giáp ruộng hộ ông Lý Văn H; trú tại: thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn;

Phần diện tích còn lại do bà Trần Thị L trực tiếp quản lý, sử dụng tiếp giáp với ruộng của hộ ông Lý Văn V; trú tại: thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

5. Thửa số 160, diện tích 192,7m², tờ bản đồ số 22 và thửa số 161, diện tích 360m², tờ bản đồ 22 và thửa số 186, diện tích 193m², tờ bản đồ 22.

Đối với các thửa nêu trên ông T và bà L thống nhất chia $\frac{1}{2}$ số diện tích. Ông T sẽ trực tiếp quản lý, sử dụng phần diện tích tiếp giáp với ao hộ Hoàng Đức N; trú tại: thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn;

Bà L trực tiếp quản lý, sử dụng phần diện tích còn lại tiếp giáp với hộ ông Lý Văn D; trú tại: thôn B1, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

*** Đối với đất rừng:**

1. Thửa số 03, tờ bản đồ số 01, diện tích 19.430m² ông T và bà L thống nhất chia như sau:

Ông T sẽ trực tiếp quản lý và sử dụng phần diện tích 9.715m² tiếp giáp với hộ ông Trần Văn T3; trú tại: thôn B1, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn;

Phần diện tích còn lại tiếp giáp với hộ ông Nguyễn Văn Đ; trú tại: thôn N, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giao cho bà Trần Thị L trực tiếp quản lý và sử dụng.

2. Thừa đất số 175, tờ bản đồ 01, diện tích 13,317m² ông T và bà L thống nhất chia như sau:

Đối với phần diện tích 6.658m² tiếp giáp với hộ ông Tạ Bá Y; trú tại: thôn B1, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giao cho ông T trực tiếp quản lý và sử dụng;

Phần diện tích còn lại tiếp giáp với hộ ông Trần Văn Đ1; trú tại: thôn B1 xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giao cho bà L trực tiếp quản lý và sử dụng.

(Đối với các loại đất nêu trên khi các bên làm thủ tục về đất đai có liên quan đến phí, lệ phí thì các bên tự chịu trách nhiệm thanh toán đối với phần đất của mình được quản lý, sử dụng)

* Đối với nhà ở:

Bà L và ông T thỏa thuận, thống nhất như sau: Bà L được toàn quyền sử dụng, sở hữu và định đoạt đối với tài sản là nhà ở là gỗ, nền xi, mái lợp Prôximăng. Bà L sẽ có trách nhiệm trích ½ giá trị ngôi nhà là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) cho ông Lý Văn T. Bà L có trách nhiệm tự dịch chuyển ngôi nhà trên về phần đất của mình để trả đất cho ông Lý Văn T. Hạn trả tiền và dịch chuyển tài sản là nhà ở chậm nhất là vào ngày 30/10/2017.

4. Về nợ chung:

* Về nghĩa vụ trả nợ:

- Buộc bà Trần Thị L có nghĩa vụ trả nợ với số tiền là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) và lãi phát sinh đối với khoản vay tại Phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Buộc ông Lý Văn T có nghĩa vụ trả nợ với số tiền là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) và lãi phát sinh đối với khoản vay tại Phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Ngoài ra án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017 bà Trần Thị L có đơn kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giải quyết buộc ông Lý Văn T phải tự chịu trách nhiệm về nghĩa vụ trả nợ đối với 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và lãi suất phát sinh hiện nay còn nợ Ngân hàng C.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn có ý kiến: Giữa nguyên đơn và bị đơn tình cảm vợ chồng đã rạn nứt từ năm 2014, do vậy, năm 2015 ông Lý Văn T vay nợ ngân hàng 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) vợ chồng không được bàn bạc, ông T vay tiền mục đích để trồng rừng nhưng không trồng rừng, không dùng vào mục đích chung của gia đình nên bà L không chịu trách nhiệm đối với khoản nợ ngân hàng còn lại là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, buộc ông T phải chịu

trách nhiệm toàn bộ số tiền nợ gốc 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và lãi phát sinh.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, chị Lý Hồng L1 nhất trí với ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Bị đơn Lý Văn T có ý kiến: Không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn, vì: Trong gia đình vợ ốm đau đã lâu không lao động được, hai con còn nhỏ nên mọi việc trong gia đình đều do ông gánh vác, lo mọi khoản chi tiêu trong gia đình, kể cả việc thuốc thang cho vợ. Gia đình khó khăn, năm 2014 ông có đại diện gia đình đứng tên vay Ngân hàng C Việt Nam – phòng giao dịch C hai khoản là: khoản 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) vay ngày 26/02/2014 và khoản vay chương trình nước sạch 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng), vay ngày 12/7/2014. Tiền vay được dùng vào việc chữa trị bệnh cho vợ và sinh hoạt gia đình, như mua cho con gái xe đạp điện, tủ, tổ chức cưới cho con gái. Năm 2015 vay em cô 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) để trả khoản vay 30.000.000đ (Ba mươi triệu) vay Ngân hàng ngày 26/02/2014. Ngày 12/8/2015 vay Ngân hàng được 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) thì trả em cô 30.000.000đ (Ba mươi triệu) còn 20.000.000đ (Hai mươi triệu) chỉ mua thêm hàng đầu tư vào quán bán hàng và tiêu dùng. Năm 2016 bán rừng được 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) thì vợ giữ 7.000.000đ (Bảy triệu đồng), còn 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng) trả Ngân hàng khoản vay 12.000.000đ (Mười hai triệu) vay ngày 12/7/2014 và 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) nợ gốc của khoản vay ngày 12/8/2015. Do vậy, khoản vay ngày 12/8/2015 còn nợ gốc 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) là nợ chung của vợ chồng, bản thân ông cũng khó khăn nên yêu cầu bà L cùng chịu trách nhiệm trả nợ.

Đại diện Ngân hàng C có ý kiến: Hồ sơ vay vốn của hộ gia đình ông T đúng quy định, các thành viên trong hộ gia đình phải có trách nhiệm trả nợ đầy đủ gốc và lãi cho Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật: Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo: Hồ sơ vay vốn của hộ gia đình ông Lý Văn T đúng quy định, hợp pháp. Số tiền vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) dùng vào mục đích chung của gia đình, do vậy, vợ chồng cùng phải có trách nhiệm trả nợ. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Trần Thị L, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bản án sơ thẩm đã giải quyết yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Trần Thị L, cụ thể giải quyết quan hệ hôn nhân, con chung đã trưởng thành không giải quyết, ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận phân chia tài sản chung giữa các đương sự và giải quyết nghĩa vụ trả nợ.

[2] Ngày 18/9/2017 bà Trần Thị L có kháng cáo phần trách nhiệm trả nợ đối với số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và lãi suất phát sinh còn nợ Ngân hàng C. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn Trần Thị L đề nghị Toà án cấp phúc thẩm buộc ông Lý Văn T phải tự chịu trách nhiệm về nghĩa vụ trả nợ đối với 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và lãi suất phát sinh hiện nay còn nợ Ngân hàng C. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4] Theo hồ sơ vay vốn do Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C Việt Nam – Phòng giao dịch huyện C cung cấp thể hiện khoản vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) do Phòng giao dịch huyện C giải ngân ngày 12/8/2015 thuộc Chương trình cho vay hộ nghèo theo Giấy đề nghị vay vốn, người vay Lý Văn T - chủ hộ ký, mục đích vay để trồng rừng. Đại diện Ngân hàng và Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn thôn B xác định về trình tự thủ tục cho vay đối với hộ ông Lý Văn T, do ông Lý Văn T đại diện hộ gia đình được thực hiện đúng quy định.

[5] Điều 106 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “1. *Chủ hộ là đại diện hộ gia đình trong các giao dịch dân sự vì lợi ích chung của hộ...*

2. *Giao dịch dân sự do đại diện của hộ gia đình xác lập, thực hiện vì lợi ích chung của hộ làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cả hộ gia đình*”

[6] Điều 110 Bộ luật Dân sự 2005 quy định: “ 1. *Hộ gia đình phải chịu trách nhiệm dân sự về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự do người đại diện của hộ gia đình xác lập, thực hiện nhân danh hộ gia đình*”

[7] Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “1. *Vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30...của Luật này*”

[8] Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “ 1. *Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*”

[9] Khoản vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) do Phòng giao dịch huyện C giải ngân ngày 12/8/2015 thuộc Chương trình cho vay hộ nghèo theo Giấy đề nghị vay vốn do chủ hộ gia đình Lý Văn T ký nằm trong thời kỳ hôn nhân của ông Lý Văn T và bà Trần Thị L. Trong sổ vay vốn hộ gia đình bà Trần Thị L ký phân Người thừa kế. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của ông T, con gái ông T là Lý Hồng L1 tại phiên toà có căn cứ xác định bà L là vợ nhưng do ốm đau bệnh tật nhiều năm nay, không tham gia lao động được, không tự phục vụ bản thân trong những nhu cầu cá nhân mà cần có người giúp đỡ trong khi đó con gái lớn đã đi lấy chồng, con gái thứ hai là học sinh năm 2015 học lớp 11 trọ học xa nhà nên mọi việc trong gia đình từ kinh tế đến chăm sóc vợ đau ốm đều do ông T lo liệu. Ông T khai khi vay khoản tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) có bàn với bà L nhưng chỉ là trao đổi trong gia đình không có giấy tờ, bà L cho rằng không được bàn bạc, do vậy, không có căn cứ xác định

khi vay khoản tiền này vợ chồng có bàn bạc. Ông T trình bày năm 2014 gia đình ông còn nợ Ngân hàng 30.000.000đ vay ngày 26/02/2014 và 12.000.000đ vay ngày 12/7/2014. Số tiền này ông đã chi dùng vào việc chữa trị bệnh cho vợ và chi cho cuộc sống gia đình. Để vay được khoản 50.000.000đ ngày 12/8/2015 thì ông đã phải vay nóng 30.000.000đ của em cô để trả khoản vay ngày 26/02/2014. Khi vay được 50.000.000đ đã trả em cô 30.000.000đ, còn 20.000.000đ dùng vào mục đích chung của gia đình, như đầu tư vào quán bán hàng tại nhà, và chi dùng hàng ngày. Năm 2016 bán rừng được 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) thì vợ giữ 7.000.000đ (Bảy triệu đồng), còn 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng) ông đã trả khoản vay 12.000.000đ vay ngày 12/7/2014 và 20.000.000đ tiền gốc khoản vay ngày 12/8/2015. Tại Sổ vay vốn thể hiện ngày 12/5/2016 ông T trả khoản vay 12.000.000đ và tiền gốc 20.000.000đ.

[10] Nguyên đơn và Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng bị đơn tự ý vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) của Ngân hàng C, đã trả được 20.000.000đ, nay còn nợ 30.000.000đ nguyên đơn không biết, không được sử dụng số tiền trên nên không có trách nhiệm phải trả nợ cùng nguyên đơn. Tuy nhiên, không cung cấp được tài liệu chứng minh ông T không dùng số tiền 50.000.000đ vào mục đích chung của gia đình.

[11] Từ các tài liệu, chứng cứ đã được phân tích ở trên, có đủ căn cứ xác định số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) ông T vay tại Ngân hàng ngày 12/8/2015 dùng vào mục đích chung của gia đình. Căn cứ các quy định nêu trên, bà Trần Thị L là vợ ông Lý Văn T phải liên đới chịu trách nhiệm trả nợ, bà L được chia tài sản khi ly hôn nên có tài sản để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ. Do vậy, án sơ thẩm buộc ông T, bà L mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ số nợ, cụ thể mỗi người phải trả 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) và lãi phát sinh đối với khoản vay ngày 12/8/2015 cho Ngân hàng C Việt Nam, Phòng giao dịch huyện C là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm Nguyên đơn không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới, do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[12] Về án phí: Nguyên đơn thuộc hộ nghèo, tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí. Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội miễn án phí dân sự phúc thẩm cho Nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 106, 110 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27, 30 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Trần Thị L đề nghị buộc bị đơn Lý Văn T phải chịu toàn bộ khoản nợ vay của Ngân hàng C, Phòng giao dịch huyện C. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 04/2017/HNGĐ-ST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

- Buộc bà Trần Thị L có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng C, Phòng giao dịch huyện C số tiền là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) và lãi phát sinh đối với khoản vay ngày 12/8/2015 tại Phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Buộc ông Lý Văn T có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng C, Phòng giao dịch huyện C số tiền là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) và lãi phát sinh đối với khoản vay ngày 12/8/2015 tại Phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Về án phí:

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho Nguyên đơn Trần Thị L. Trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà Trần Thị L đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 05878 ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện C, BK;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn (2b);
- Chi cục THADS huyện C, BK;
- Các đương sự (3b);
- UBND xã Y, C, BK (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hoa